

Câu hỏi trắc nghiệm Địa lý lớp 12: Phần địa lý tự nhiên**Bài: Vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ**

Câu 1. Lãnh thổ nước ta trải dài:

- A. Trên 12° vĩ. B. Gần 15° vĩ. C. Gần 17° vĩ. D. Gần 18° vĩ.

Câu 2. Nội thủy là:

- A. Vùng nước tiếp giáp với đất liền nằm ven biển.
B. Vùng nước tiếp giáp với đất liền phía bên trong đường cơ sở.
C. Vùng nước cách đường cơ sở 12 hải lí.
D. Vùng nước cách bờ 12 hải lí.

Câu 3. Đây là cửa khẩu nằm trên biên giới Lào - Việt.

- A. Cầu Treo. B. Xà Xía. C. Mộc Bài. D. Lào Cai.

Câu 4. Đường cơ sở của nước ta được xác định là đường:

- A. Nằm cách bờ biển 12 hải lí.
B. Nối các điểm có độ sâu 200 m.
C. Nối các mũi đất xa nhất với các đảo ven bờ.
D. Tính từ mức nước thủy triều cao nhất đến các đảo ven bờ.

Câu 5. Đi từ bắc vào nam theo biên giới Việt - Lào, ta đi qua lần lượt các cửa khẩu:

- A. Tây Trang, Cầu Treo, Lao Bảo, Bờ Y.
B. Cầu Treo, Tân Thanh, Lao Bảo, Bờ Y.
C. Bờ Y, Lao Bảo, Cầu Treo, Tây Trang.
D. Lao Bảo, Cầu Treo, Tây Trang, Bờ Y.

Câu 6. Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú nhờ :

- A. Lãnh thổ kéo dài từ $8^{\circ}34'N$ đến $23^{\circ}23'N$ nên thiên nhiên có sự phân hoá đa dạng.
B. Nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực châu Á gió mùa.
C. Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới.
D. Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên đường di lưu của các loài sinh vật.

Câu 7. Đây là cảng biển mở lối ra biển thuận lợi cho vùng Đông Bắc Cam-pu-chia.

- A. Hải Phòng. B. Cửa Lò. C. Đà Nẵng. D. Nha Trang

Câu 8. Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi khác hẳn với các nước có cùng độ vĩ ở Tây Á, châu Phi là nhờ:

- A. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
B. Nước ta nằm ở trung tâm vùng Đông Nam Á.
C. Nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp của nhiều hệ thống tự nhiên.
D. Nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển trên 3260 km.

Câu 9. Quần đảo Trường Sa thuộc:

- A. Tỉnh Khánh Hoà. B. Thành phố Đà Nẵng.
C. Tỉnh Quảng Ngãi. D. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Câu 10. Loại gió có tác động thường xuyên đến toàn bộ lãnh thổ nước ta là:

- A. Gió mậu dịch.
- B. Gió mùa.
- C. Gió phon.
- D. Gió địa phương.

Câu 11. Vị trí địa lí nước ta tạo điều kiện thuận lợi cho việc :

- A. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
- B. Mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực Đông Nam Á và thế giới.
- C. Phát triển các ngành kinh tế biển.
- D. Tất cả các thuận lợi trên.

Câu 12. Đối với vùng đặc quyền kinh tế, Việt Nam có nghĩa vụ và quyền lợi nào dưới đây?

- A. Có chủ quyền hoàn toàn về thăm dò, khai thác, bảo vệ, quản lí các tất cả các nguồn tài nguyên.
- B. Cho phép các nước tự do hàng hải, hàng không, đặt ống dẫn dầu, cáp quang ngầm.
- C. Cho phép các nước được phép thiết lập các công trình nhân tạo phục vụ cho thăm dò, khảo sát biển.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 13. Đối với vùng đặc quyền kinh tế, Việt Nam cho phép các nước:

- A. Được thiết lập các công trình và các đảo nhân tạo.
- B. Được tổ chức khảo sát, thăm dò các nguồn tài nguyên.

- C. Được tự do hàng hải, hàng không, đặt ống dẫn dầu và cáp quang biển.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 14. Xét về góc độ kinh tế, vị trí địa lí của nước ta

- A. Thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác, giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới.
- B. Thuận lợi cho phát triển các ngành kinh tế, các vùng lãnh thổ; tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước và thu hút đầu tư của nước ngoài.
- C. Thuận lợi trong việc hợp tác sử dụng tổng hợp các nguồn lợi của Biển Đông, thềm lục địa và sông Mê Công với các nước có liên quan.
- D. Thuận lợi cho việc hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kĩ thuật với các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 15. Đặc điểm của thiên nhiên nhiệt đới - ẩm - gió mùa của nước ta là do :

- A. Vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ quy định.
- B. Ảnh hưởng của các luồng gió thổi theo mùa từ phương bắc xuống và từ phía nam lên.
- C. Sự phân hóa phức tạp của địa hình vùng núi, trung du và đồng bằng ven biển.
- D. Ảnh hưởng của Biển Đông cùng với các bức chắn địa hình.

Câu 16. Ở nước ta, loại tài nguyên có triển vọng khai thác lớn nhưng chưa được chú ý đúng mức :

- A. Tài nguyên đất. B. Tài nguyên biển.
- C. Tài nguyên rừng. D. Tài nguyên khoáng sản.

Câu 17. Ở nước ta, khai thác tổng hợp giá trị kinh tế của mạng lưới sông ngòi dày đặc cùng với lượng nước phong phú là thế mạnh của :

- A. Ngành công nghiệp năng lượng ; ngành nông nghiệp và giao thông vận tải, du lịch.
- B. Ngành khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản nước ngọt.
- C. Ngành giao thông vận tải và du lịch.
- D. Ngành trồng cây lương thực - thực phẩm.

Câu 18. Biển Đông là vùng biển lớn nằm ở phía :

- A. Nam Trung Quốc và Đông Bắc Đài Loan.
- B. Phía đông Phi-líp-pin và phía tây của Việt Nam.

C. Phía đông Việt Nam và tây Phi-líp-pin.

D. Phía bắc của Xin-ga-po và phía nam Ma-lai-xi-a.

Câu 19. Vấn đề chủ quyền biên giới quốc gia trên đất liền, Việt Nam cần tiếp tục đàm phán với :

A. Trung Quốc và Lào. B. Lào và Cam-pu-chia.

C. Cam-pu-chia và Trung Quốc. D. Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia

Câu 20. Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu biết kết hợp xây dựng các loại hình giao thông vận tải :

A. Đường ô tô và đường sắt.

B. Đường biển và đường sắt.

C. Đường hàng không và đường biển.

D. Đường ô tô và đường biển.

ĐÁP ÁN

1. C	2. B	3. A	4. C	5. A	6. D
7. C	8. D	9. A	10. A	11. B	12. A
13. C	14. B	15. A	16. B	17. A	18. C
19. C	20. C				

Bài: Lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ

Câu 1. Đây là đặc điểm của giai đoạn Tân kiến tạo :

A. Diễn ra trong khoảng 475 triệu năm.

B. Chịu tác động của các kì vận động tạo núi Calêđôni và Hecxini.

C. Chỉ diễn ra trên một bộ phận nhỏ của lãnh thổ nước ta.

D. Chịu tác động của vận động tạo núi Anpi và biến đổi khí hậu toàn cầu.

Câu 2. Các mỏ than ở Quảng Ninh, Quảng Nam được hình thành trong :

A. Đại Trung sinh của giai đoạn Cổ kiến tạo.

B. Đại Cổ sinh của giai đoạn Cổ kiến tạo.

C. Kỉ Đệ tứ của giai đoạn Tân kiến tạo.

D. Đại Nguyên sinh của giai đoạn tiền Cambri.

Câu 3. Đây là điểm giống nhau về lịch sử hình thành của khối thượng nguồn sông Chảy và khối núi cao Nam Trung Bộ.

- A. Cùng được hình thành trong đại Cổ sinh của giai đoạn Cổ kiến tạo.
- B. Cùng được hình thành trong đại Trung sinh của giai đoạn Cổ kiến tạo.
- C. Cùng được hình thành trong giai đoạn Cổ kiến tạo.
- D. Cùng được hình thành trong giai đoạn Tân kiến tạo.

Câu 4. Đây là chứng cứ cho thấy lãnh thổ nước ta được hình thành trong giai đoạn tiền Cambri :

- A. Sự có mặt của các hoá thạch san hô ở nhiều nơi.
- B. Sự có mặt của các hoá thạch than ở nhiều nơi.
- C. Đá biến chất có tuổi 2,3 tỉ năm được tìm thấy ở Kon Tum.
- D. Các đá trầm tích biển phân bố rộng khắp trên cả nước.

Câu 5. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long được hình thành trong giai đoạn :

- A. Kỉ Đệ tứ của giai đoạn Tân kiến tạo.
- B. Kỉ Nêôgen của giai đoạn Tân kiến tạo.
- C. Đại Trung sinh của giai đoạn Cổ kiến tạo.
- D. Đại Cổ sinh của giai đoạn Cổ kiến tạo.

Câu 6. “Địa hình được nâng cao, sông ngòi trẻ lại”, đó là đặc điểm của :

- A. Giai đoạn tiền Cambri.
- B. Thời kì đầu của giai đoạn Cổ kiến tạo.
- C. Thời kì sau của giai đoạn Cổ kiến tạo.
- D. Giai đoạn Tân kiến tạo.

Câu 7. Đây là biểu hiện cho thấy giai đoạn Tân kiến tạo vẫn còn đang tiếp diễn.

- A. Các đá trầm tích biển được tìm thấy ở nhiều nơi.
- B. Ngày càng phát hiện nhiều mỏ khoáng sản có nguồn gốc ngoại sinh.
- C. Quá trình phong hoá vẫn tiếp tục, sinh vật và thổ nhưỡng ngày càng phong phú.
- D. Khí hậu toàn cầu đang thay đổi theo hướng ngày càng nóng lên.

Câu 8. Đây là các khối núi được hình thành trong đại Cổ sinh của giai đoạn Cổ kiến tạo.

- A. Các dãy núi ở Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

B. Các khối núi cao ở Cao Bằng, Lạng Sơn.

C. Các khối núi cao ở Nam Trung Bộ.

D. Khối nâng Việt Bắc, địa khối Kon Tum.

Câu 9. Phần lớn lãnh thổ nước ta được hình thành trong :

A. Giai đoạn tiền Cambri.

B. Giai đoạn Cổ kiến tạo.

C. Giai đoạn Tân kiến tạo.

D. Đại Nguyên sinh và Cổ sinh.

Câu 10. Đây là các kì tạo núi thuộc đại Cổ sinh :

A. Calêđôni và Kimêri.

B. Indôxini và Kimêri.

C. Indôxini và Calêđôni.

D. Calêđôni và Hecxini.

Câu 11. Các thềm biển, cồn cát, ngấn nước trên vách đá ven biển là dấu vết của :

A. Các lần biển tiến và biển lùi diễn ra trong kỉ Đệ tứ của giai đoạn Tân kiến tạo.

B. Hoạt động uốn nếp, đứt gãy, phun trào macma diễn ra trong kỉ Đệ tứ của giai đoạn Tân kiến tạo.

C. Hoạt động nâng cao và hạ thấp địa hình diễn ra trong kỉ Đệ tứ của giai đoạn Tân kiến tạo.

D. Các hoạt động bồi lấp các bồn trũng lục địa diễn ra trong kỉ Đệ tứ của giai đoạn Tân kiến tạo.

Câu 12. Giai đoạn Cổ kiến tạo :

A. Chấm dứt cách đây 65 triệu năm.

B. Chấm dứt vào kỉ Krêta.

C. Bắt đầu từ kỉ Cambri.

D. Tất cả các ý trên đều đúng.

Câu 13. Được hình thành từ các hoạt động uốn nếp và nâng lên trong đại Trung sinh của giai đoạn Cổ kiến tạo là :

A. Khối thượng nguồn sông Chảy.

B. Khối nâng Việt Bắc.

C. Khu vực núi cao ở Nam Trung Bộ.

D. Tất cả các khối núi trên.

Câu 14. Đá vôi tuổi Đêvon và Cacbon - Pecmi có nhiều ở miền Bắc nước ta là loại đá :

A. Trầm tích biển.

B. Trầm tích lục địa.

C. Macma.

D. Biến chất.

Câu 15. Các ngấn nước trên các vách đá ven biển là dấu vết của kỉ Đệ tứ của giai đoạn

Tân kiến tạo vì :

- A. Giai đoạn này hoạt động xâm thực bồi tụ được đẩy mạnh.
- B. Giai đoạn này khí hậu toàn cầu có những thay đổi lớn với các lần biển tiến, biển lùi.
- C. Tác động của vận động tạo núi Anpi nên có các hoạt động uốn nếp, đứt gãy.
- D. Tác động của vận động tạo núi Anpi làm các bồn trũng lục địa bị bồi lấp.

ĐÁP ÁN

1. D	2. A	3. C	4. C	5. A	6. D
7. C	8. D	9. B	10. D	11. A	12. D
13. C	14. A	15. B			

Bài: Đất nước nhiều đồi núi

Câu 1. Cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đồi núi thấp là kiểu cảnh quan chiếm ưu thế của nước ta vì :

- A. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
- B. Nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông.
- C. Nước ta nằm trong khu vực châu Á gió mùa.
- D. Đồi núi thấp chiếm 85% diện tích lãnh thổ.

Câu 2. Đây là đặc điểm quan trọng nhất của địa hình đồi núi nước ta, có ảnh hưởng rất lớn đến các yếu tố khác.

- A. Chạy dài suốt lãnh thổ từ bắc đến nam.
- B. Đồi núi thấp chiếm ưu thế tuyệt đối.
- C. Núi nước ta có địa hình hiểm trở.
- D. Núi nước ta có sự phân bậc rõ ràng.

Câu 3. Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp đã làm cho :

- A. Địa hình nước ta ít hiểm trở.
- B. Địa hình nước ta có sự phân bậc rõ ràng.
- C. Tính chất nhiệt đới ẩm của thiên nhiên được bảo toàn.
- D. Thiên nhiên có sự phân hoá sâu sắc.

Câu 4. Đồi núi nước ta có sự phân bậc vì :

- A. Phần lớn là núi có độ cao dưới 2 000 m.
- B. Chịu tác động của vận động tạo núi Anpi trong giai đoạn Tân kiến tạo.
- C. Chịu tác động của nhiều đợt vận động tạo núi trong đại Cổ sinh.
- D. Trải qua lịch sử phát triển lâu dài, chịu tác động nhiều của ngoại lực.

Câu 5. Đai rừng ôn đới núi cao của nước ta chỉ xuất hiện ở :

- A. Độ cao trên 1 000 m. B. Độ cao trên 2 000 m.
- C. Độ cao trên 2 400 m. D. Độ cao thay đổi theo miền.

Câu 6. Địa hình đồi núi đã làm cho :

- A. Miền núi nước ta có khí hậu mát mẻ thuận lợi để phát triển du lịch.
- B. Nước ta giàu có về tài nguyên rừng với hơn 3/4 diện tích lãnh thổ.
- C. Sông ngòi nước ta có tiềm năng thủy điện lớn với công suất trên 30 triệu kW.
- D. Các đồng bằng thường xuyên nhận được lượng phù sa bồi đắp lớn.

Câu 7. Câu nào dưới đây thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa miền núi với đồng bằng nước ta ?

- A. Đồng bằng có địa hình bằng phẳng, miền núi có địa hình cao hiểm trở.
- B. Đồng bằng thuận lợi cho cây lương thực, miền núi thích hợp cho cây công nghiệp.
- C. Những sông lớn mang vật liệu bào mòn ở miền núi bồi đắp, mở rộng đồng bằng.
- D. Sông ngòi phát nguyên từ miền núi cao nguyên chảy qua các đồng bằng.

Câu 8. Trở ngại lớn nhất của địa hình miền núi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta là :

- A. Địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều sông suối, hẻm vực gây trở ngại cho giao thông.
- B. Địa hình dốc, đất dễ bị xói mòn, lũ quét, lũ nguồn dễ xảy ra.
- C. Động đất dễ phát sinh ở những vùng đứt gãy sâu.
- D. Thiếu đất canh tác, thiếu nước nhất là ở những vùng núi đá vôi.

Câu 9. Ở khu vực phía nam, loại rừng thường phát triển ở độ cao từ 500 m - 1000 m là :

- A. Nhiệt đới ẩm thường xanh. B. Á nhiệt đới.
- C. Ôn đới. D. Á nhiệt đới trên núi.

Câu 10. Tác động tiêu cực của địa hình miền núi đối với đồng bằng của nước ta là :

- A. Mang vật liệu bồi đắp đồng bằng, cửa sông.
- B. Chia cắt đồng bằng thành các châu thổ nhỏ.
- C. Thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ lụt.
- D. Ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa tây nam gây khô nóng.

Câu 11. Đây là đặc điểm của địa hình đồi núi của nước ta :

- A. Núi cao trên 2 000 m chỉ chiếm 1% diện tích lãnh thổ.
- B. Địa hình thấp dưới 1000 m chiếm 85% diện tích lãnh thổ.
- C. Địa hình thấp dưới 500 m chiếm 70% diện tích lãnh thổ.
- D. Tất cả các đặc điểm trên.

Câu 12. Địa hình nước ta nhiều đồi núi và chủ yếu là đồi núi thấp vì :

- A. Lãnh thổ nước ta được hình thành từ giai đoạn tiền Cambri cách đây trên 2 tỉ năm.
- B. Lãnh thổ nước ta được hình thành rất sớm, bị bào mòn lâu dài sau đó lại được nâng lên.
- C. Lãnh thổ nước ta được hình thành chủ yếu trong giai đoạn Cổ kiến tạo.
- D. Lãnh thổ nước ta trải qua nhiều kì vận động tạo núi như Calêđôni, Hecxini, Indôxini, Kimêri, Anpi.

Câu 13. Điều kiện nhiệt độ để hình thành các đai rừng ôn đới núi cao ở nước ta là :

- A. Nhiệt độ các tháng mùa hè xuống dưới 25°C .
- B. Nhiệt độ trung bình năm dưới 15°C , tháng lạnh nhất dưới 10°C .
- C. Nhiệt độ trung bình năm dưới 20°C , tháng lạnh nhất dưới 15°C .
- D. Nhiệt độ trung bình năm dưới 15°C , không có tháng nào trên 20°C .

Câu 14. Nguyên nhân cơ bản nhất tạo nên sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta là :

- A. Nước ta là nước nhiều đồi núi.
- B. Nước ta nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa.
- C. Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm.
- D. Nước ta nằm tiếp giáp với Biển Đông.

Câu 15. Hạn chế lớn nhất của vùng núi đá vôi của nước ta là :

- A. Dễ xảy ra lũ nguồn, lũ quét. B. Nhiều nguy cơ phát sinh động đất.
C. Dễ xảy ra tình trạng thiếu nước. D. Nạn cháy rừng dễ diễn ra nhất.

ĐÁP ÁN

1. D	2. B	3. C	4. B	5. C	6. C
7. C	8. A	9. A	10. B	11.D	12. B
13. B	14. A	15. C			

Bài: Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển

Câu 1. Loại khoáng sản có tiềm năng vô tận ở Biển Đông nước ta là :

- A. Dầu khí. B. Muối biển. C. Cát trắng. D. Titan.

Câu 2. Khu vực có thềm lục địa bị thu hẹp trên Biển Đông thuộc vùng :

- A. Vịnh Bắc Bộ. B. Vịnh Thái Lan.
C. Bắc Trung Bộ. D. Nam Trung Bộ

Câu 3. Ở nước ta thời tiết mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng bức là nhờ :

- A. Nằm gần Xích đạo, mưa nhiều.
B. Địa hình 85% là đồi núi thấp.
C. Chịu tác động thường xuyên của gió mùa.
D. Tiếp giáp với Biển Đông (trên 3260 km bờ biển).

Câu 4. Quá trình chủ yếu chi phối địa mạo của vùng ven biển của nước ta là :

- A. Xâm thực. B. Mài mòn.
C. Bồi tụ. D. Xâm thực - bồi tụ.

Câu 5. Biểu hiện rõ nhất đặc điểm nóng ẩm của Biển Đông là :

- A. Thành phần sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế.
B. Nhiệt độ nước biển khá cao và thay đổi theo mùa.
C. Có các dòng hải lưu nóng hoạt động suốt năm.
D. Có các luồng gió theo hướng đông nam thổi vào nước ta gây mưa.

Câu 6. Điểm cuối cùng của đường hải giới nước ta về phía nam là :

- A. Móng Cái. B. Hà Tiên. C. Rạch Giá. D. Cà Mau.

Câu 7. Hạn chế lớn nhất của Biển Đông là :

- A. Tài nguyên sinh vật biển đang bị suy giảm nghiêm trọng.
- B. Thường xuyên hình thành các cơn bão nhiệt đới.
- C. Hiện tượng sóng thần do hoạt động của động đất núi lửa.
- D. Tác động của các cơn bão nhiệt đới và gió mùa đông bắc.

Câu 8. Vân Phong và Cam Ranh là hai vịnh biển thuộc tỉnh (thành) :

- A. Quảng Ninh.
- B. Đà Nẵng.
- C. Khánh Hoà.
- D. Bình Thuận.

Câu 9. Ở nước ta, nghề làm muối phát triển mạnh tại :

- A. Cửa Lò (Nghệ An).
- B. Thuận An (Thừa Thiên - Huế).
- C. Sa Huỳnh (Quảng Ngãi).
- D. Mũi Né (Bình Thuận).

Câu 10. Khu vực có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển của nước ta là :

- A. Vịnh Bắc Bộ.
- B. Vịnh Thái Lan.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 11. Hai bể trầm tích có diện tích lớn nhất nước ta là :

- A. Sông Hồng và Trung Bộ.
- B. Cửu Long và Sông Hồng.
- C. Nam Côn Sơn và Cửu Long.
- D. Nam Côn Sơn và Thổ Chu - Mã Lai.

Câu 12. Đặc điểm của Biển Đông có ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta là :

- A. Nóng, ẩm và chịu ảnh hưởng của gió mùa.
- B. Có diện tích lớn gần 3,5 triệu km².
- C. Biển kín với các hải lưu chạy khép kín.
- D. Có thêm lục địa mở rộng hai đầu thu hẹp ở giữa.

Câu 13. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của Biển Đông được thể hiện rõ ở :

- A. Nhiệt độ nước biển.
- B. Dòng hải lưu.
- C. Thành phần loài sinh vật biển.
- D. Cả ba ý trên.

Câu 14. Vùng cực Nam Trung Bộ là nơi có nghề làm muối rất lí tưởng vì :

- A. Không có bão lại ít chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.
- B. Có nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có vài sông nhỏ đổ ra biển.
- C. Có những hệ núi cao ăn lan ra tận biển nên bờ biển khúc khuỷu.
- D. Có thêm lục địa thoải thoải kéo dài sang tận Ma-lai-xi-a.

Câu 15. Biển Đông ảnh hưởng nhiều nhất, sâu sắc nhất đến thiên nhiên nước ta ở lĩnh vực :

- A. Sinh vật. B. Địa hình.
C. Khí hậu. D. Cảnh quan ven biển.

ĐÁP ÁN

1. B	2. D	3. D	4. D	5. A	6. B
7. D	8. C	9. C	10. D	11. C	12. A
13. D	14. B	15. C			

Bài: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

Câu 1. Ở nước ta, nơi có chế độ khí hậu với mùa hạ nóng ẩm, mùa đông lạnh khô, hai mùa chuyển tiếp xuân thu là :

- A. Khu vực phía nam vĩ tuyến 16°B.
B. Khu vực phía đông dãy Trường Sơn.
C. Khu vực phía bắc vĩ tuyến 16°B.
D. Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ.

Câu 2. Mưa phùn là loại mưa :

- A. Diễn ra vào đầu mùa đông ở miền Bắc.
B. Diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào đầu mùa đông.
C. Diễn ra vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc.
D. Diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào nửa sau mùa đông.

Câu 3. Gió mùa mùa đông ở miền Bắc nước ta có đặc điểm :

- A. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô.
B. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô và lạnh ẩm.
C. Xuất hiện thành từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô hoặc lạnh ẩm.
D. Kéo dài liên tục suốt 3 tháng với nhiệt độ trung bình dưới 20°C.

Câu 4. Ở đồng bằng Bắc Bộ, gió phơn xuất hiện khi :

- A. Khối khí nhiệt đới từ Ấn Độ Dương mạnh lên vượt qua được hệ thống núi Tây Bắc.

- B. Áp thấp Bắc Bộ khơi sâu tạo sức hút mạnh gió mùa tây nam.
- C. Khối khí từ lục địa Trung Hoa đi thẳng vào nước ta sau khi vượt qua núi biên giới.
- D. Khối khí nhiệt đới từ Ấn Độ Dương vượt qua dãy Trường Sơn vào nước ta.

Câu 5. Gió đông bắc thổi ở vùng phía nam đèo Hải Vân vào mùa đông thực chất là :

- A. Gió mùa mùa đông nhưng đã biến tính khi vượt qua dãy Bạch Mã.
- B. Một loại gió địa phương hoạt động thường xuyên suốt năm giữa biển và đất liền.
- C. Gió tín phong ở nửa cầu Bắc hoạt động thường xuyên suốt năm.
- D. Gió mùa mùa đông xuất phát từ cao áp ở lục địa châu Á.

Câu 6. Vào đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam gây mưa ở vùng :

- A. Nam Bộ.
- B. Tây Nguyên và Nam Bộ.
- C. Phía Nam đèo Hải Vân.
- D. Trên cả nước.

Câu 7. Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

- A. Lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông.
- B. Phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
- C. Phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.
- D. Sông có lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao.

Câu 8. Kiểu rừng tiêu biểu của nước ta hiện nay là :

- A. Rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- B. Rừng gió mùa thường xanh.
- C. Rừng gió mùa nửa rụng lá.
- D. Rừng ngập mặn thường xanh ven biển.

Câu 9. Đây là nhiệt độ trung bình năm của lần lượt các địa điểm : Lũng Cú, Bỉm Sơn, Hà Tiên, Vạn Ninh, Nghi Xuân.

- A. 21,3°C ; 23,5°C ; 24°C ; 25,9°C ; 26,9°C.
- B. 21,3°C ; 26,9°C ; 25,9°C ; 23,5°C ; 24°C.
- C. 26,9°C ; 25,9°C ; 24°C ; 23,5°C ; 21,3°C.
- D. 21,3°C ; 23,5°C ; 26,9°C ; 25,9°C ; 24°C.

Câu 10. Đất phe-ra-lit ở nước ta thường bị chua vì :

- A. Có sự tích tụ nhiều Fe_2O_3 .
- B. Có sự tích tụ nhiều Al_2O_3 .
- C. Mưa nhiều trôi hết các chất bazo dễ tan.
- D. Quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh.

Câu 11. Gió phơn khô nóng ở đồng bằng ven biển Trung Bộ có nguồn gốc từ :

- A. Cao áp cận chí tuyến ở nửa cầu Nam.
- B. Cao áp ở nam Ấn Độ Dương.
- C. Cao áp ở Trung Bộ châu Á (Cao áp Iran).
- D. Cao áp cận chí tuyến ở nam Thái Bình Dương.

Câu 12. Gió mùa mùa hạ chính thức của nước ta là :

- A. Gió mùa hoạt động ở cuối mùa hạ.
- B. Gió mùa hoạt động từ tháng 6 đến tháng 9.
- C. Gió mùa xuất phát từ cao áp cận chí tuyến ở nửa cầu Nam.
- D. Tất cả các loại gió mùa trên.

Câu 13. Gió mùa mùa hạ chính thức của nước ta gây mưa cho vùng :

- A. Tây Nguyên.
- B. Nam Bộ.
- C. Bắc Bộ.
- D. Cả nước.

Câu 14. Trong 4 địa điểm sau, nơi có mưa nhiều nhất là :

- A. Hà Nội.
- B. Huế.
- C. Nha Trang.
- D. Phan Thiết.

Câu 15. So với Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì Huế là nơi có cân bằng ẩm lớn nhất. Nguyên nhân chính là :

- A. Huế là nơi có lượng mưa trung bình năm lớn nhất nước ta.
- B. Huế có lượng mưa lớn nhưng bốc hơi ít do mưa nhiều vào mùa thu đông.
- C. Huế có lượng mưa không lớn nhưng mưa thu đông nên ít bốc hơi.
- D. Huế có lượng mưa khá lớn nhưng mùa mưa trùng với mùa lạnh nên ít bốc hơi.

ĐÁP ÁN

1. C	2. D	3. C	4. B	5. C	6. B
7. D	8. A	9. D	10. C	11. C	12. D

13. D

14. B

15. D

Bài: Thiên nhiên phân hóa đa dạng

Câu 1. “Địa thế cao hai đầu, thấp ở giữa, chạy theo hướng tây bắc - đông nam”. Đó là đặc điểm núi của vùng :

- A. Tây Bắc. B. Đông Bắc.
C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 2. Nằm ở cực tây của năm cánh cung thuộc vùng núi Đông Bắc là dãy :

- A. Sông Gâm. B. Đông Triều. C. Ngân Sơn. D. Bắc Sơn

Câu 3. Đây là hướng nghiêng của địa hình vùng Đông Bắc.

- A. Tây bắc - đông nam. B. Đông bắc - tây nam.
C. Bắc - nam. D. Tây - đông.

Câu 4. Nằm ở phía tây nam của hệ thống Trường Sơn Nam là cao nguyên :

- A. Plây-cu. B. Mơ Nông. C. Đắc Lắc. D. Di Linh.

Câu 5. Các sườn đồi ba dan lượn sóng ở Đông Nam Bộ được xếp vào loại địa hình :

- A. Đồng bằng. B. Các bậc thềm phù sa cổ.
C. Các cao nguyên. D. Các bán bình nguyên.

Câu 6. Đồng bằng châu thổ sông Hồng và đồng bằng châu thổ Cửu Long có chung một đặc điểm là:

- A. Có địa hình thấp và bằng phẳng.
B. Có hệ thống đê ngăn lũ ven sông.
C. Hình thành trên vùng sụt lún của hạ lưu sông.
D. Có hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt.

Câu 7. “Địa hình núi đồ xô về mạn đông, có nhiều đỉnh cao trên 2000 m, phía tây là các cao nguyên”. Đó là đặc điểm của vùng :

- A. Đông Bắc. B. Tây Bắc.
C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 8. Dãy Bạch Mã là :

- A. Dãy núi bắt đầu của hệ núi Trường Sơn Nam.

- B. Dãy núi làm biên giới giữa Tây Bắc và Trường Sơn Bắc.
- C. Dãy núi làm ranh giới giữa Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.
- D. Dãy núi ở cực Nam Trung Bộ, nằm chênh vênh giữa đồng bằng hẹp và đường bờ biển.

Câu 9. Đây là đặc điểm của đồng bằng ven biển miền Trung.

- A. Là một tam giác châu thổ có diện tích 15 000 km².
- B. Nằm ở vùng biển nông, thềm lục địa mở rộng.
- C. Hình thành trên vùng sụt lún ở hạ lưu các sông lớn.
- D. Biển đóng vai trò chủ yếu trong việc hình thành nên có nhiều cồn cát.

Câu 10. Ở đồng bằng châu thổ sông Hồng có nhiều chân ruộng cao bạc màu và các ô trũng là do :

- A. Thường xuyên bị lũ lụt.
- B. Có hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt.
- C. Có địa hình tương đối cao và bị chia cắt.
- D. Có hệ thống đê ngăn lũ hai bên các sông.

Câu 11. Địa hình núi cao hiểm trở nhất của nước ta tập trung ở :

- A. Vùng núi Trường Sơn Nam.
- B. Vùng núi Tây Bắc.
- C. Vùng núi Trường Sơn Bắc.
- D. Vùng núi Đông Bắc.

Câu 12. Địa hình vùng đồi trung du và bán bình nguyên của nước ta thể hiện rõ nhất ở :

- A. Vùng đồi trung du thuộc dãy Trường Sơn Nam và Đông Nam Bộ.
- B. Trên các cao nguyên xếp tầng ở sườn phía tây của Tây Nguyên.
- C. Vùng đồi trung du thuộc dãy Trường Sơn Bắc và vùng thấp ở Tây Nguyên.
- D. Rìa Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.

Câu 13. Cao nguyên đất đỏ ba dan rộng lớn nhất ở nước ta là :

- A. Đắc Lắc
- B. Lâm Viên.
- C. Plây-cu.
- D. Di Linh.

Câu 14. Vùng núi thượng nguồn sông Chảy có đặc điểm :

- A. Cấu tạo chủ yếu bởi đá vôi.
- B. Gồm những đỉnh núi cao trên 2000 m.
- C. Có cấu trúc vòng cung.
- D. Chạy theo hướng tây bắc - đông nam.

Câu 15. Ranh giới của vùng núi Tây Bắc là :

A. Sông Hồng và sông Đà.

B. Sông Đà và Sông Mã.

C. Sông Hồng và sông Cả.

D. Sông Hồng và sông Mã.

ĐÁP ÁN

1. C	2. A	3. A	4. B	5. D	6. C
7. D	8. C	9. D	10. D	11. B	12. D
13. A	14 B	15.C			

Sự phân hóa khí hậu, thủy sản

Câu 1. “Lũ vào thu đông, tháng 5, 6 có lũ tiểu mãn”. Đó là đặc điểm sông ngòi của miền thủy văn :

A. Bắc Bộ.

B. Nam Bộ

C. Đông Trường Sơn.

D. Tây Nguyên.

Câu 2. “Nhiệt độ trung bình năm luôn cao hơn 21°C , biên độ nhiệt năm dưới 9°C ”. Đó là đặc điểm khí hậu của :

A. Lạng Sơn.

B. Hà Nội.

C. Vinh.

D. Nha Trang.

Câu 3. Đây là biên độ nhiệt hàng năm của Hà Nội, Huế, Nha Trang, Thành phố Hồ Chí Minh.

A. $3,2^{\circ}\text{C}$; $4,1^{\circ}\text{C}$; $9,3^{\circ}\text{C}$; $11,9^{\circ}\text{C}$.B. $11,9^{\circ}\text{C}$; $9,3^{\circ}\text{C}$; $4,1^{\circ}\text{C}$; $3,2^{\circ}\text{C}$.C. $9,3^{\circ}\text{C}$; $11,9^{\circ}\text{C}$; $4,1^{\circ}\text{C}$; $3,2^{\circ}\text{C}$.D. $4,1^{\circ}\text{C}$; $3,2^{\circ}\text{C}$; $11,9^{\circ}\text{C}$; $9,3^{\circ}\text{C}$.

Câu 4. Ở miền khí hậu phía bắc, trong mùa đông độ lạnh giảm dần về phía tây vì :

A. Nhiệt độ tăng dần theo độ vĩ.

B. Nhiệt độ thay đổi theo độ cao của địa hình.

C. Đó là những vùng không chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.

D. Dãy Hoàng Liên Sơn ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.

Câu 5. Đây là điểm khác biệt về khí hậu giữa Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

A. Mùa mưa ở Nam Trung Bộ chậm hơn.

B. Mùa mưa của Nam Trung Bộ sớm hơn.

C. Chỉ có Nam Trung Bộ mới có khí hậu cận Xích đạo.

D. Nam Trung Bộ không chịu ảnh hưởng của phơn Tây Nam.

Câu 6. Miền Bắc ở độ cao trên 600 m, còn miền Nam phải 1000 m mới có khí hậu á nhiệt.

Lí do chính là vì :

- A. Địa hình miền Bắc cao hơn miền Nam.
- B. Miền Bắc mưa nhiều hơn miền Nam.
- C. Nhiệt độ trung bình năm của miền Nam cao hơn miền Bắc.
- D. Miền Bắc giáp biển nhiều hơn miền Nam.

Câu 7. Sông ngòi ở Tây Nguyên và Nam Bộ lượng dòng chảy kiệt rất nhỏ vì :

- A. Phần lớn sông ở đây đều ngắn, độ dốc lớn.
- B. Phần lớn sông ngòi ở đây đều nhận nước từ bên ngoài lãnh thổ.
- C. Ở đây có mùa khô sâu sắc, nhiệt độ cao, bốc hơi nhiều.
- D. Sông chảy trên đồng bằng thấp, phẳng lại đổ ra biển bằng nhiều chi lưu.

Câu 8. Yếu tố chính làm hình thành các trung tâm mưa nhiều, mưa ít ở nước ta là :

- A. Độ vĩ.
- B. Độ lục địa.
- C. Địa hình.
- D. Mạng lưới sông ngòi.

Câu 9. Đây là điểm khác nhau cơ bản của khí hậu Nam Bộ và khí hậu Tây Nguyên.

- A. Tây Nguyên có mưa lệch pha sang thu đông.
- B. Nam Bộ có khí hậu nóng và điều hoà hơn.
- C. Nam Bộ có hai mùa mưa khô đối lập.
- D. Nam Bộ có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn.

Câu 10. Ranh giới để phân chia hai miền khí hậu chính ở nước ta là :

- A. Đèo Ngang.
- B. Dãy Bạch Mã.
- C. Đèo Hải Vân.
- D. Dãy Hoành Sơn.

Câu 11. Các luồng gió thổi vào lãnh thổ nước ta gây nên thời tiết khô – nóng và lạnh – khô là:

- A. TBg và NPc
- B. NPc và Tm
- C. TBg và Em
- D. Em và Tm

Câu 12. Sự phân mùa của khí hậu nước ta chủ yếu là do :

- A. Ảnh hưởng của các khối không khí hoạt động theo mùa khác nhau về hướng và tính chất.
- B. Ảnh hưởng của khối không khí lạnh (NPc) và khối không khí Xích đạo (Em).

C. Ảnh hưởng của khối không khí từ vùng vịnh Bengan (TBg) và Tín phong nửa cầu Bắc (Tm).

D. Ảnh hưởng của Tín phong nửa cầu Bắc (Tm) và khối không khí Xích đạo (Em).

Câu 13. Tính chất nhiệt đới ẩm, gió mùa của khí hậu nước ta đã đem đến cho sản xuất nông nghiệp :

A. Nhiều đồng bằng phù sa, nhiệt ẩm dồi dào, lũ bão, ngập úng, hạn hán và sâu bệnh.

B. Có điều kiện thuận lợi để thâm canh, luân canh, tăng vụ.

C. Phát triển các loại cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.

D. Phát triển nghề khai thác, nuôi trồng thủy sản.

Câu 14. Nhiễu động về thời tiết ở nước ta thường xảy ra vào :

A. Mùa đông ở miền Bắc và mùa khô ở Tây Nguyên.

B. Nửa đầu mùa hè ở Bắc Trung Bộ. C. Thời gian chuyển mùa.

D. Nửa sau mùa hè đối với cả vùng Duyên hải miền Trung.

Câu 15. Từ vĩ độ 16°B trở vào nam, do tính chất khá ổn định về thời tiết và khí hậu, việc bố trí cây trồng thích hợp là :

A. Các loại cây trồng phù hợp với từng loại đất.

B. Cây ngắn ngày ở những vùng có mùa khô kéo dài.

C. Cây trồng thích hợp với một mùa mưa cường độ cao.

D. Các loại cây ưa nhiệt của vùng nhiệt đới gió mùa.

ĐÁP ÁN

1. C	2. D	3. B	4. D	5. A	6. C
7. C	8. C	9. B	10. B	11. A	12. A
13. A	14. C	15. A			

Sự phân hóa thổ nhưỡng, sinh vật

Câu 1. Đất phe-ra-lit phát triển trên đá ba dan thuộc nhóm đất :

A. Phe-ra-lit vàng đỏ. B. Phe-ra-lit nâu đỏ.

C. Phe-ra-lit nâu xám. D. Phe-ra-lit có mùn.

Câu 2. Loại đất có diện tích lớn nhất trong hệ đất đồi núi của nước ta là :

- A. Đất phe-ra-lit đỏ vàng. B. Đất xám phù sa cổ.
C. Đất phe-ra-lit nâu đỏ. D. Đất phe-ra-lit có mùn trên núi.

Câu 3. Nước ta có thảm thực vật rừng rất đa dạng về kiểu hệ sinh thái vì :

- A. Thỏ nhưỡng có sự phân hoá đa dạng.
B. Địa hình đồi núi chiếm ưu thế nên có sự phân hoá đa dạng.
C. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa phân hoá đa dạng.
D. Nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp giữa nhiều hệ thống tự nhiên.

Câu 4. Loại đất nằm trong hệ đất đồi núi nhưng thường tập trung nhiều ở vùng trung du và bán bình nguyên là :

- A. Đất phe-ra-lit nâu đỏ. B. Đất phe-ra-lit vàng đỏ.
C. Đất xám phù sa cổ. D. Đất than bùn.

Câu 5. Ở nước ta hệ sinh thái xa-van trướng bụi nguyên sinh tập trung ở vùng :

- A. Nam Trung Bộ. B. Cực Nam Trung Bộ.
C. Nam Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 6. Đất phe-ra-lit có mùn phát triển ở vùng :

- A. Đồi núi thấp dưới 1000 m. B. Trung du và bán bình nguyên.
C. Núi cao trên 2400 m. D. Núi có độ cao từ 700 m - 2400 m.

Câu 7. Đây là đặc điểm của đất phe-ra-lit nâu đỏ phát triển trên đá ba dan.

- A. Nặng, bí, thiếu các nguyên tố vi lượng.
B. Nặng, chua, tầng phong hoá mỏng.
C. Chua, nghèo mùn, tầng phong hoá mỏng.
D. Tơi xốp, giàu chất dinh dưỡng, tầng phong hoá sâu.

Câu 8. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa sẽ thay thế cho hệ sinh thái rừng nhiệt đới lá rộng thường xanh khi :

- A. Khí hậu chuyển từ mùa mưa sang mùa khô.
B. Rừng nguyên sinh bị phá thay bằng rừng thứ sinh.
C. Đất phe-ra-lit bị biến đổi theo hướng xấu đi.
D. Khí hậu thay đổi theo hướng sa mạc hoá.

Câu 9. Đây là đặc điểm của đất đen ở nước ta :

- A. Chiếm diện tích nhỏ không đáng kể.
- B. Đất tốt, giàu chất dinh dưỡng.
- C. Thường gặp ở vùng thung lũng đá vôi.
- D. Tất cả các đặc điểm trên.

Câu 10. “Rừng tràm chim” là kiểu rừng :

- A. Nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
- B. Thưa nhiệt đới khô lá rụng.
- C. Lá rộng thường xanh ngập mặn.
- D. Á nhiệt đới lá rộng.

Câu 11. Nhóm đất nào dưới đây ở nước ta có diện tích lớn nhất ?

- A. Đất phèn.
- B. Đất phù sa.
- C. Đất đỏ ba dan.
- D. Đất xám phù sa cổ.

Câu 12. Để sử dụng hợp lý đất nông nghiệp đồng bằng ở nước ta, biện pháp quan trọng nhất là :

- A. Đẩy mạnh thâm canh.
- B. Quản lý chặt đất đai.
- C. Khai hoang mở rộng diện tích.
- D. Tăng cường công tác thủy lợi.

Câu 13. Ở nước ta, đất nhiễm mặn tập trung nhiều nhất ở :

- A. Vùng ven biển dọc Duyên hải miền Trung.
- B. Vùng ven biển, cửa sông ở Đồng bằng sông Hồng.
- C. Vùng trũng của trung tâm bán đảo Cà Mau và Hà Tiên.
- D. Vùng cửa sông ven biển ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 14. Đất chua phèn tập trung nhiều nhất ở :

- A. Vùng trũng Hà - Nam - Ninh.
- B. Vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Vùng trũng của Đồng Tháp Mười, Hà Tiên và bán đảo Cà Mau.
- D. Vùng trũng trung tâm bán đảo Cà Mau.

Câu 15. Hệ đất phe-ra-lit nâu đỏ phân bố tập trung ở :

- A. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.
- B. Miền núi và trung du Bắc Bộ.

C. Duyên hải miền Trung.

D. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

Câu 16. Đất phe-ra-lit hình thành trên nền phù sa cổ phân bố tập trung ở :

A. Trên các bậc thềm sông cổ ở Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

B. Phía đông bắc Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.

C. Đông Nam Bộ.

D. Đồng bằng sông Cửu Long giáp với Cam-pu-chia.

Câu 17. Những nơi lớp phủ thực vật bị phá hủy, mùa khô khắc nghiệt là điều kiện :

A. Xúc tiến nhanh quá trình xói mòn, rửa trôi tạo thành lớp đất bạc màu.

B. Tích tụ ôxít sắt và nhôm rắn chắc lại sẽ tạo thành tầng đá ong.

C. Đất thoái hóa nhanh, trơ sỏi đá rất khó cải tạo.

D. Cả 3 câu trên.

Câu 18. Nếu khai thác không hợp lí thì nguồn tài nguyên bị suy giảm nhanh nhất là :

A. Tài nguyên đất, rừng và thủy hải sản.

B. Tài nguyên nước.

C. Tài nguyên khoáng sản.

D. Tất cả các câu trên.

Câu 19. Vai trò quan trọng của rừng trong tổng thể tự nhiên thể hiện rõ nhất ở :

A. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ lâm sản.

B. Điều hòa khí hậu, hạn chế lũ lụt, chống xói mòn đất.

C. Bảo vệ các nguồn gen thực – động vật quý hiếm.

D. Tất cả các câu trên.

Câu 20. Nguyên nhân không phù hợp với việc bảo vệ, quản lí tài nguyên rừng ở nước ta :

A. Định canh, định cư, phát triển kinh tế lên vùng cao.

B. Lập các khu bảo tồn và vườn quốc gia.

C. Mở rộng thêm diện tích trồng cây công nghiệp.

D. Bảo vệ rừng đầu nguồn và rừng phòng hộ.

ĐÁP ÁN

1. B	2. A	3. C	4. C	5. B	6. D
7. D	8. B	9. D	10. C	11. B	12. A

13. D	14. C	15. A	16. C	17. B	18. A
19. B	20. C				

Sự phân hóa cảnh quan thiên nhiên

Câu 1. Sự phân chia các đới cảnh quan địa lí của nước ta tương ứng với sự phân chia :

- A. Các miền khí hậu. B. Các vùng địa hình.
C. Các miền thủy văn. D. Các miền địa lí tự nhiên.

Câu 2. Đây là đặc điểm của đới cảnh quan rừng gió mùa nhiệt đới :

- A. Khí hậu thuận lợi cho sự phát triển các loại cây nhiệt đới ưa nóng.
B. Biên độ nhiệt năm lớn, các loại cây chịu lạnh có khả năng thích nghi.
C. Khí hậu nóng quanh năm với tổng nhiệt độ năm trên 9 000°C.
D. Khí hậu tương đối điều hoà, biên độ nhiệt hằng năm nhỏ.

Câu 3. Đây là một đặc điểm của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ :

- A. Đai cao á nhiệt đới ở mức 1 000 m.
B. Vòng cung là hướng chính của các dãy núi và các dòng sông.
C. Là miền duy nhất có địa hình núi cao với đầy đủ các đai cao.
D. Địa hình khá phức tạp với các khối núi cổ, các bề mặt sơn nguyên.

Câu 4. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của vùng Nam Trung Bộ và Nam Bộ là :

- A. Bão lụt với tần suất lớn, trượt lở đất, khô hạn.
B. Sự thất thường của nhịp điệu mùa khí hậu và dòng chảy sông ngòi.
C. Thời tiết rất bất ổn định, dòng chảy sông ngòi thất thường.
D. Xói mòn, rửa trôi đất, lũ lụt trên diện rộng, thiếu nước vào mùa khô.

Câu 5. Đây là điểm giống nhau giữa miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Tây Bắc Bắc Trung Bộ :

- A. Đều có hướng nghiêng chung của địa hình là tây bắc - đông nam.
B. Đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa đông bắc nên có mùa đông lạnh.
C. Đều có địa hình núi cao chiếm ưu thế nên có đầy đủ hệ thống đai cao.
D. Đều có sự thất thường của nhịp điệu mùa khí hậu và dòng chảy sông ngòi.

Câu 6. Sự hiện diện của dãy Trường Sơn đã làm cho vùng Bắc Trung Bộ :

- A. Chịu ảnh hưởng của bão nhiều hơn các vùng khác.
- B. Có mùa mưa chậm dần sang thu đông và gió tây khô nóng.
- C. Có nhiều ưu thế để phát triển mạnh ngành chăn nuôi.
- D. Đồng bằng bị thu hẹp và chia cắt thành các đồng bằng nhỏ.

Câu 7. Nhận định nào sau đây chưa chính xác về Nam Trung Bộ và Nam Bộ ?

- A. Sự tương phản về địa hình, khí hậu, thủy văn được biểu hiện rất rõ nét.
- B. Khí hậu rất thuận lợi cho sự phát triển các loại cây họ dầu.
- C. Mưa tập trung vào thu đông, chịu ảnh hưởng của gió tây khô nóng.
- D. Có khí hậu cận Xích đạo thuộc đới rừng gió mùa cận Xích đạo.

Câu 8. Điểm khác nhau cơ bản giữa miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ với miền Bắc, Đông Bắc và miền Tây Bắc, Bắc Trung Bộ là :

- A. Cấu trúc địa chất và địa hình.
- B. Cấu trúc địa hình và hướng sông ngòi.
- C. Chế độ mưa và thủy chế sông ngòi.
- D. Đặc điểm về khí hậu.

Câu 9. Ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, nơi không có tháng nào trong mùa đông có nhiệt độ trung bình dưới 20°C là :

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Tây Bắc.
- C. Phía nam đèo Ngang.
- D. Huế.

Câu 10. Đây là đặc điểm cơ bản của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ :

- A. Có đủ núi cao, núi trung bình, sơn nguyên, cao nguyên, đồng bằng, lòng chảo, thung lũng.
- B. Có mối quan hệ với Vân Nam về cấu trúc địa chất, là sự suy giảm ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.
- C. Sự đa dạng phong phú về tài nguyên thiên nhiên đặc biệt là nguồn khoáng sản.
- D. Hướng nghiêng chung của địa hình là tây bắc - đông nam với những dãy núi đứng chênh vênh trên bờ biển.

Câu 11. Cảnh quan rừng gió mùa nhiệt đới :

- A. Không chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa đông bắc.
- B. Trong năm có 2 - 3 tháng nhiệt độ trung bình dưới 20°C .

C. Khí hậu thuận lợi cho sự phát triển các cây ưa nóng.

D. Khí hậu có tính chất cận Xích đạo với tổng nhiệt trên 9 000°C

Câu 12. “Miền có cấu trúc địa chất địa hình phức tạp, gồm các khối núi cổ, các bề mặt sơn nguyên và cao nguyên ba dan, đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển”. Đó là đặc điểm của vùng :

A. Bắc và Đông Bắc. B. Tây Bắc.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 13. “ Xói mòn rửa trôi đất ở vùng núi, lũ lụt trên diện rộng ở đồng bằng và hạ lưu các sông lớn trong mùa mưa, thiếu nước nghiêm trọng trong mùa khô”. Đó là khó khăn lớn nhất trong việc sử dụng đất ở vùng :

A. Bắc và Đông Bắc. B. Tây Bắc.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 14. Các đỉnh núi Chư Yang Sin, Lang Biang thuộc vùng :

A. Đông Bắc.

B. Tây Bắc.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 15. Sự bất thường của nhịp điệu mùa khí hậu, của dòng chảy sông ngòi và tính bất ổn định cao của thời tiết là những trở ngại lớn trong việc sử dụng thiên nhiên của vùng :

A. Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

B. Tây Bắc.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

ĐÁP ÁN

1. A	2. B	3. C	4. D	5. A	6. B
7. C	8. D	9. A	10. B	11. B	12. D
13. D	14. D	15. A			

Bài: Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Câu 1. Đây là một biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ rừng đặc dụng.

A. Gây trồng rừng trên đất trống đồi trọc.

B. Bảo vệ cảnh quan đa dạng sinh học ở các vườn quốc gia.

C. Đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.

D. Có kế hoạch, biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có.

Câu 2. Nhận định đúng nhất về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay là :

- A. Tài nguyên rừng đang tiếp tục bị suy giảm cả về số lượng lẫn chất lượng.
- B. Dù tổng diện tích rừng đang được phục hồi nhưng chất lượng vẫn tiếp tục suy giảm.
- C. Tài nguyên rừng của nước ta đang được phục hồi cả về số lượng lẫn chất lượng.
- D. Chất lượng rừng đã được phục hồi nhưng diện tích rừng đang giảm sút nhanh.

Câu 3. Khu bảo tồn thiên nhiên Cần Giờ thuộc :

- A. Thành phố Hải Phòng.
- B. Thành phố Hồ Chí Minh.
- C. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- D. Tỉnh Cà Mau.

Câu 4. Nội dung chủ yếu của chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường là :

- A. Đảm bảo chất lượng môi trường phù hợp với yêu cầu đời sống con người.
- B. Đảm bảo việc bảo vệ tài nguyên môi trường đi đôi với sự phát triển bền vững.
- C. Cân bằng giữa phát triển dân số với khả năng sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên.
- D. Phòng, chống, khắc phục sự suy giảm môi trường, đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

Câu 5. Loại đất chiếm tỉ lệ lớn nhất trong các loại đất phải cải tạo ở nước ta hiện nay là :

- A. Đất phèn.
- B. Đất mặn.
- C. Đất xám bạc màu.
- D. Đất than bùn, gây hoá.

Câu 6. Luật bảo vệ môi trường được Nhà nước ta ban hành lần đầu tiên vào :

- A. Tháng 8 - 1991.
- B. Tháng 1 - 1994.
- C. Tháng 12 - 2003.
- D. Tháng 4 - 2007.

Câu 7. Nguyên nhân chính làm cho nguồn nước của nước ta bị ô nhiễm nghiêm trọng là :

- A. Nông nghiệp thâm canh cao nên sử dụng quá nhiều phân hoá học, thuốc trừ sâu.
- B. Hầu hết nước thải của công nghiệp và đô thị đổ thẳng ra sông mà chưa qua xử lí.
- C. Giao thông vận tải đường thủy phát triển, lượng xăng dầu, chất thải trên sông nhiều.
- D. Việc khai thác dầu khí ở ngoài thềm lục địa và các sự cố tràn dầu trên biển.

Câu 8. Dựa vào bảng số liệu sau đây về diện tích rừng của nước ta qua một số năm.

(Đơn vị : triệu ha)

Năm	1943	1975	1983	1990	1999	2003
Tổng diện tích rừng	14,3	9,6	7,2	9,2	10,9	12,1
Rừng tự nhiên	14,3	9,5	6,8	8,4	9,4	10,0
Rừng trồng	0,0	0,1	0,4	0,8	1,5	2,1

Nhận định đúng nhất là :

- A. Tổng diện tích rừng đã được khôi phục hoàn toàn.
- B. Diện tích rừng trồng tăng nhanh nên diện tích và chất lượng rừng được phục hồi.
- C. Diện tích và chất lượng rừng có tăng nhưng vẫn chưa phục hồi hoàn toàn.
- D. Diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh hơn diện tích rừng trồng.

Câu 9. Đối với đất ở miền núi phải bảo vệ bằng cách :

- A. Đẩy mạnh thâm canh, bảo vệ vốn rừng.
- B. Nâng cao hiệu quả sử dụng, có chế độ canh tác hợp lí.
- C. Tăng cường bón phân, cải tạo thích hợp theo từng loại đất.
- D. Áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác nông - lâm.

Câu 10. Đây là biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ sự đa dạng sinh học :

- A. Đưa vào “Sách đỏ Việt Nam” những động, thực vật quý hiếm cần bảo vệ.
- B. Xây dựng hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên.
- C. Tăng cường bảo vệ rừng và đẩy mạnh việc trồng rừng.
- D. Nghiêm cấm việc khai thác rừng, săn bắn động vật.

Câu 11. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến sự suy giảm tài nguyên thiên nhiên ở nước ta :

- A. Chiến tranh (bom đạn, chất độc hóa học).
- B. Khai thác không theo một chiến lược nhất định.
- C. Công nghệ khai thác lạc hậu.
- D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 12. Những vùng thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp vào mùa khô là :

- A. Vùng núi đá vôi và vùng đất đỏ ba dan.
- B. Vùng đất bạc màu ở trung du Bắc Bộ.

- C. Vùng đất xám phù sa cổ ở Đông Nam Bộ.
D. Vùng khuất gió ở tỉnh Sơn La và Mường Xén (Nghệ An).

Câu 13. Thời gian khô hạn kéo dài từ 4 đến 5 tháng tập trung ở :

- A. Ở vùng ven biển cực Nam Trung Bộ.
B. Ở đồng bằng Nam Bộ và vùng thấp của Tây Nguyên.
C. Ở thung lũng khuất gió thuộc tỉnh Sơn La (Tây Bắc).
D. Ở Mường Xén (Nghệ An).

Câu 14. Một trong những biện pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ rừng đang được triển khai ở nước ta hiện nay là :

- A. Cấm không được khai thác và xuất khẩu gỗ.
B. Nhập khẩu gỗ từ các nước để chế biến.
C. Giao đất giao rừng cho nông dân.
D. Trồng mới 5 triệu ha rừng cho đến năm 2010.

Câu 15. Đối với nước ta, để bảo đảm cân bằng môi trường sinh thái cần phải :

- A. Duy trì diện tích rừng ít nhất là như hiện nay.
B. Nâng diện tích rừng lên khoảng 14 triệu ha.
C. Đạt độ che phủ rừng lên trên 50%.
D. Nâng độ che phủ lên từ 45% - 50% ở vùng núi lên 60% - 70%.

ĐÁP ÁN

1. B	2. B	3. B	4. B	5. A	6. B
7. B	8. C	9. D	10. B	11. B	12. A
13. B	14. C	15. D			

Bài: Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai

Câu 1. Đồng bằng Duyên hải miền Trung ít bị ngập úng hơn Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long vì :

- A. Lượng mưa ở Duyên hải miền Trung thấp hơn.
B. Lượng mưa lớn nhưng rải ra trong nhiều tháng nên mưa nhỏ hơn.
C. Do địa hình dốc ra biển lại không có đê nên dễ thoát nước.

D. Mật độ dân cư thấp hơn, ít có những công trình xây dựng lớn.

Câu 2. Vùng có tình trạng khô hạn dữ dội và kéo dài nhất nước ta là :

- A. Các thung lũng đá vôi ở miền Bắc.
- B. Cực Nam Trung Bộ.
- C. Các cao nguyên ở phía nam Tây Nguyên.
- D. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 3. Vùng có hoạt động động đất mạnh nhất của nước ta là :

- A. Tây Bắc.
- B. Đông Bắc.
- C. Nam Bộ.
- D. Cực Nam Trung Bộ.

Câu 4. Đây là đặc điểm của bão ở nước ta :

- A. Diễn ra suốt năm và trên phạm vi cả nước.
- B. Tất cả đều xuất phát từ Biển Đông.
- C. Chỉ diễn ra ở khu vực phía bắc vĩ tuyến 16° B.
- D. Mùa bão chậm dần từ bắc vào nam.

Câu 5. Đây là hiện tượng thường đi liền với bão :

- A. Sóng thần.
- B. Động đất.
- C. Lũ lụt.
- D. Ngập úng.

Câu 6. So với miền Bắc, ở miền Trung lũ quét thường xảy ra :

- A. Nhiều hơn.
- B. Ít hơn.
- C. Trễ hơn.
- D. Sớm hơn.

Câu 7. Nguyên nhân chính làm cho Đồng bằng sông Hồng bị ngập úng nghiêm trọng nhất ở nước ta là :

- A. Có mật độ dân số cao nhất nước ta.
- B. Có địa hình thấp nhất so với các đồng bằng.
- C. Có lượng mưa lớn nhất nước.
- D. Có hệ thống đê sông, đê biển bao bọc.

Câu 8. Ở Nam Bộ :

- A. Không có bão.
- B. Ít chịu ảnh hưởng của bão.
- C. Bão chỉ diễn ra vào các tháng đầu năm.
- D. Bão chỉ diễn ra vào đầu mùa mưa.

Câu 9. Ở nước ta bão tập trung nhiều nhất vào :

- A. Tháng 7.
- B. Tháng 8.
- C. Tháng 9.
- D. Tháng 10.

Câu 10. Khu vực từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, thời gian có nhiều bão là :

- A. Từ tháng 6 đến tháng 10. B. Từ tháng 8 đến tháng 10.
C. Từ tháng 10 đến tháng 11. D. Từ tháng 10 đến tháng 12.

Câu 11. Gió mùa Tây Nam khô nóng hoạt động mạnh nhất vào thời gian :

- A. Nửa đầu mùa hè. B. Cuối mùa hè.
C. Đầu mùa thu - đông. D. Cuối mùa xuân đầu mùa hè.

Câu 12. Vùng chịu ảnh hưởng mạnh của gió Tây Nam khô nóng là :

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Bắc Trung Bộ.
C. Tây Nguyên. D. Tây Bắc.

Câu 13. Thời gian khô hạn kéo dài nhất tập trung ở các tỉnh :

- A. Ninh Thuận và Bình Thuận. B. Huyện Mường Xén của tỉnh Nghệ An.
C. Quảng Bình và Quảng Trị. D. Sơn La và Lai Châu.

Câu 14. Ở vùng núi phía Bắc và Duyên hải Nam Trung Bộ, lũ quét thường xảy ra vào thời gian :

- A. Vùng núi phía Bắc từ tháng 7 đến tháng 10 ; Duyên hải Nam Trung Bộ từ tháng 10 đến tháng 12.
B. Vùng núi phía Bắc từ tháng 6 đến tháng 10 ; Duyên hải Nam Trung Bộ từ tháng 10 đến tháng 12.
C. Vùng núi phía Bắc từ tháng 5 đến tháng 9 ; Duyên hải Nam Trung Bộ từ tháng 9 đến tháng 11.
D. Vùng núi phía Bắc từ tháng 8 đến tháng 1 ; Duyên hải Nam Trung Bộ từ tháng 8 đến tháng 12.

Câu 15. Lũ quét thường xảy ra ở vùng núi phía Bắc vào thời gian :

- A. Từ tháng 5 đến tháng 9. B. Từ tháng 6 đến tháng 10.
C. Từ tháng 7 đến tháng 11. D. Từ tháng 4 đến tháng 8.

Câu 16. Ở nước ta khi bão đổ bộ vào đất liền thì phạm vi ảnh hưởng rộng nhất là vùng :

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ.
C. Đồng bằng Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đông Bắc.

Câu 17. Vùng nào dưới đây ở nước ta hầu như không xảy ra động đất ?

- A. Ven biển Nam Trung Bộ. B. Vùng Nam Bộ.
C. Vùng Đồng bằng sông Hồng. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 18. Vùng thường xảy ra động đất và có nguy cơ cháy rừng cao vào mùa khô là :

- A. Vùng Tây Bắc. B. Vùng Đông Bắc.
C. Vùng Tây Nguyên. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 19. Biện pháp tốt nhất để hạn chế tác hại do lũ quét đối với tài sản và tính mạng của nhân dân là:

- A. Bảo vệ tốt rừng đầu nguồn.
B. Xây dựng các hồ chứa nước.
C. Di dân ở những vùng thường xuyên xảy ra lũ quét.
D. Quy hoạch lại các điểm dân cư ở vùng cao.

Câu 20. Để hạn chế thiệt hại do bão gây ra đối với các vùng đồng bằng ven biển, thì biện pháp phòng chống tốt nhất là :

- A. Sơ tán dân đến nơi an toàn.
B. củng cố công trình đê biển, bảo vệ rừng phòng hộ ven biển.
C. Thông báo cho các tàu thuyền trên biển phải tránh xa vùng tâm bão.
D. Có biện pháp phòng chống lũ ở đầu nguồn các con sông lớn.

ĐÁP ÁN

1. C	2. B	3. A	4. D	5. C	6. C
7. D	8. B	9. C	10. C	11. A	12. B
13. A	14. B	15. B	16. A	17. B	18. A
19. A	20. B				

Mời bạn đọc cùng tham khảo <https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-12>